

# THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC THỂ CHẤT TRONG CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC TẠI QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

• Mã Tấn Xuân<sup>(\*)</sup>, Nguyễn Quang Sơn<sup>(\*\*)</sup>

## Tóm tắt

Qua khảo sát cho thấy thực trạng cơ sở vật chất và đội ngũ còn thiếu, chương trình giảng dạy môn thể dục còn nhiều bất cập, học sinh rất thích tập luyện thể dục thể thao và kết quả đánh giá thể lực của học sinh theo tiêu chuẩn rèn luyện thân thể có trên 97% học sinh đạt. Kết quả nghiên cứu làm cơ sở cho việc đề ra các giải pháp nâng cao chất lượng công tác giáo dục thể chất cho học sinh trong các trường tiểu học tại quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

Từ khóa: Giáo dục thể chất, giải pháp, trường tiểu học.

### 1. Đặt vấn đề

Giáo dục thể chất (GDTC) là một mặt của giáo dục toàn diện cho thế hệ trẻ, là phương tiện có hiệu quả để phát triển hài hoà về hình thể, nâng cao sức khoẻ và các tố chất thể lực, góp phần đào tạo con người mới phát triển toàn diện, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Do đó, những thông tin chính xác về thực trạng công tác GDTC trong nhà trường là vai trò vô cùng quan trọng và cần thiết. Đây là cơ sở để lựa chọn các giải pháp phù hợp nâng cao hiệu quả công tác GDTC. Với tầm quan trọng trên, chúng tôi tiến hành khảo sát các yếu tố đảm bảo để đánh giá thực trạng công tác GDTC ở các trường tiểu

học tại quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM).

Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi đã sử dụng các phương pháp sau: phương pháp tham khảo tài liệu, phương pháp phỏng vấn, phương pháp quan sát sư phạm, phương pháp điều tra xã hội học, phương pháp kiểm tra sư phạm, phương pháp toán học thống kê.

Khách thể tham gia khảo sát là 15 cán bộ quản lý, 27 giáo viên và 21.295 học sinh (HS) tại các trường tiểu học tại quận Bình Tân, TPHCM.

### 2. Kết quả nghiên cứu

#### 2.1. Thực trạng về cơ sở vật chất

##### 2.1.1. Thực trạng điều kiện vật chất - sân bãi

**Bảng 1. Thực trạng trang thiết bị, sân bãi và tài liệu phục vụ cho công tác GDTC tại các trường tiểu học tại quận Bình Tân, TPHCM**

TT	Điều kiện cơ sở vật chất	Tên trường														TC	
		AL1	AL2	AL3	BT1	BT2	BHH1	BHH2	BT	BTĐA	BTĐ	BTÂN	TT	TTA	LCP		BL
1	Bóng chuyên	1	1	1	1	1	1	0	1	1	1	1	1	1	1	1	14
2	Bóng đá mini	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	1	1	0	0	6
3	Cầu lông	1	1	2	2	2	1	0	1	1	2	2	2	2	1	1	21
4	Cầu lưới	1	1	2	2	2	1	0	1	1	2	2	2	2	1	1	21
5	Bóng rổ	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	4
6	Bóng ném	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	4
7	Hồ nhảy xa	1	0	0	0	0	1	0	0	0	1	1	1	1	1	0	7
8	Đường chạy	1	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	1	1	0	0	8
9	Hồ bơi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Khung thành	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	1	1	1	0	0	5
11	Cột căng lưới	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	15
12	Cột bóng rổ	1	0	1	1	1	0	0	1	1	1	1	1	1	1	1	12
13	Nệm nhảy cao, xa	0	0	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3
14	Tài liệu giảng dạy	có	có	có	có	có	có	có	có	có	có	có	có	có	có	có	
15	Sách giáo khoa	có	có	có	có	có	có	có	có	có	có	có	có	có	có	có	
16	Câu lạc bộ	có	có	có	có	có	có	có	có	có	có	có	có	có	có	có	

(\*) Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

(\*\*) Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.

Số liệu bảng 1 cho thấy, sân bãi tập luyện thể thao ở các trường tiểu học tại quận Bình Tân còn thiếu và diện tích hạn hẹp, không đáp ứng được nhu cầu tập luyện và tổ chức hoạt động thể thao cho HS. Trong đó, hầu hết các trường sử dụng sân chơi làm sân đa năng cho các môn bóng đá mini, bóng ném, cầu lông, cầu lưới, bóng chày... không có một trường nào có một phòng tập hoặc sân thể thao riêng biệt. Theo thống kê toàn quận, sân bóng đá mini có 6/15 trường chiếm tỉ lệ 40%; sân bóng chày có 14/15 trường chiếm tỉ lệ 93,3%; sân cầu

lông 21/15 trường chiếm tỉ lệ 140%; hồ nhảy xa 7/15 trường tỉ lệ 46,6%; đường chạy 40m có 8/15 trường chiếm tỉ lệ 53,3%; hồ bơi có 0/15 trường chiếm tỉ lệ 0%.

Qua thống kê thực trạng về sân bãi của từng trường, nhìn chung còn khó khăn chỉ đáp ứng ở mức độ ban đầu trong việc phục vụ cho công tác GDTC và nhu cầu rèn luyện thân thể của HS.

2.1.2. *Thực trạng diện tích đất, diện tích sân chơi*

**Bảng 2. Thống kê số lượng HS và diện tích đất, sân chơi tại các trường tiểu học quận Bình Tân, TPHCM**

TT	Tên trường	Số lớp	Tổng số HS	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích sân chơi (m <sup>2</sup> )	Diện tích bình quân sân chơi của HS (m <sup>2</sup> /hs)
1	TH AN LẠC 1	34	1.354	4.304	1.291	0,95
2	TH AN LẠC 2	36	1.365	2.075	622	0,45
3	TH AN LẠC 3	30	1.058	7.840	4.704	4,44
4	BÌNH TRỊ 1	46	1.914	5.549	2.219	1,15
5	BÌNH TRỊ 2	41	1.639	5.982	1.794	1,09
6	BÌNH TRỊ ĐÔNG A	32	1.334	1.727	1.036	0,77
7	BÌNH TRỊ ĐÔNG	55	2.187	5.202	3.127	1,42
8	BÌNH HƯNG HÒA 1	44	1.873	4.269	503	0,26
9	BÌNH HƯNG HÒA 2	20	802	2.006	478	0,59
10	BÌNH THUẬN	50	1.996	2.650	1.590	0,79
11	BÌNH LONG	28	1.218	3.143	1.820	1,94
12	TÂN TẠO	30	1.198	8.509	5.105	4,26
13	TÂN TẠO A	32	1.373	9.555	6.688	4,87
14	LÊ CÔNG PHÉP	20	847	4.841	3.388	4
15	BÌNH TÂN	30	1.137	8.173	5.721	5,03
	<b>Tổng cộng</b>	<b>339</b>	<b>21.295</b>	<b>75.823</b>	<b>40.086</b>	<b>32,01</b>
	<b>Trung bình</b>					<b>2,13</b>

Kết quả tổng hợp ở bảng 2 cho thấy, tổng diện tích đất chuyên dùng cho các hoạt động: Sân chơi cho HS, hoạt động thể dục thể thao và nhiều hoạt động khác của 15 trường tiểu học ở quận Bình Tân là 40.086m<sup>2</sup>, nếu chia bình quân thì mỗi đầu HS ở quận Bình Tân chỉ có 2,13m<sup>2</sup>/HS.

Diện tích sân bãi chật hẹp là yếu tố khó khăn khách quan, đòi hỏi muốn mở rộng diện tích là một vấn đề lâu dài cần có sự phối hợp của nhiều cơ quan

ngành như: UBND Thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố, Sở Kế hoạch - Đầu tư, Quận Ủy, Ủy ban nhân dân quận Bình Tân.

## 2.2. Thực trạng về đội ngũ

Vai trò của đội ngũ cán bộ quản lý là rất quan trọng có tính quyết định về sản phẩm mình đào tạo ra. Điều tra thu thập số liệu từ Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Tân chúng tôi thu được kết quả bảng 3 và 4 như sau:

**Bảng 3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý  
tại các trường tiểu học quận Bình Tân, TPHCM**

TT	Tên trường	Ban giám hiệu		Trình độ chuyên môn			Đăng viên
		Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Sau Đại học	Đại học	Cao đẳng	
1	TH AN LẠC 1	1	2	0	2	1	3
2	TH AN LẠC 2	1	2	0	2	1	2
3	TH AN LẠC 3	1	2	0	3	0	3
4	BÌNH TRỊ 1	1	2	0	1	1	1
5	BÌNH TRỊ 2	1	2	0	2	1	2
6	BÌNH TRỊ ĐÔNG A	1	2	0	1	1	2
7	BÌNH TRỊ ĐÔNG	1	2	0	2	1	2
8	BÌNH HƯNG HÒA 1	1	2	0	1	2	3
9	BÌNH HƯNG HÒA 2	1	2	0	2	0	1
10	BÌNH THUẬN	1	2	0	1	1	1
11	BÌNH LONG	1	2	0	2	1	1
12	TÂN TẠO	1	2	0	3	0	3
13	TÂN TẠO A	1	2	0	1	2	2
14	LÊ CÔNG PHÉP	1	2	0	2	0	2
15	BÌNH TÂN	1	2	0	1	1	1
	<b>TỔNG</b>	<b>15</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>26</b>	<b>13</b>	<b>29</b>

Qua số liệu ở bảng 3, cán bộ quản lý của các trường tiểu học ở quận Bình Tân phân bố đồng đều đúng theo qui định phân bổ cán bộ quản lý theo cơ số trường và lớp, tất cả các trường đều có từ hai Phó Hiệu trưởng trở lên, trong đó có một Phó Hiệu trưởng phụ trách về chuyên môn và một Phó Hiệu trưởng phụ trách về cơ sở vật chất, đoàn thể và các hoạt động phong trào bao gồm môn Văn - Thể - Mỹ, Đoàn Đội; Lực lượng đảng viên trong cán bộ quản lý chiếm 64,44% với 100% chi bộ xếp loại vững mạnh.

**Bảng 4. Thống kê đội ngũ cán bộ giảng dạy thể dục  
tại các trường tiểu học quận Bình Tân, TPHCM**

TT	Tên trường	Số lớp	Tổng số HS	Tổng số giáo viên	Số tiết dạy thể dục trong tuần	Trình độ đào tạo			Đoàn thể	
						Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Đảng	Đoàn
1	TH AN LẠC 1	34	1.354	2	61	0	2	0	0	2
2	TH AN LẠC 2	36	1.365	1	64	0	1	0	0	1
3	TH AN LẠC 3	30	1.058	1	54	1	0	0	0	1
4	BÌNH TRỊ 1	46	1.914	3	72	0	3	0	1	2
5	BÌNH TRỊ 2	41	1.639	1	73	1	0	0	0	1
6	BÌNH TRỊ ĐÔNG A	32	1.334	3	57	1	2	0	0	3
7	BÌNH TRỊ ĐÔNG	55	2.187	1	95	0	2	0	0	2
8	BÌNH HƯNG HÒA 1	44	1.873	2	79	1	1	0	0	1
9	BÌNH HƯNG HÒA 2	20	802	1	35	0	1	0	1	0
10	BÌNH THUẬN	50	1.996	3	88	1	2	0	1	2
11	BÌNH LONG	28	1.218	2	50	0	2	1	0	2
12	TÂN TẠO	30	1.198	2	53	0	2	0	0	2
13	TÂN TẠO A	32	1.373	2	58	0	2	0	0	2
14	LÊ CÔNG PHÉP	20	847	1	35	1	0	0	0	1
15	BÌNH TÂN	30	1.137	2	53	1	1	0	0	2
	<b>Tổng cộng</b>	<b>339</b>	<b>21.295</b>	<b>27</b>	<b>927</b>	<b>6</b>	<b>21</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>24</b>

Số liệu tại bảng 4 cho thấy, 15 trường tiểu học ở quận Bình Tân, TPHCM đều là trường công lập, với tổng số HS là 21.295, được chia thành 339 lớp với 27 giáo viên chuyên trách đang giảng dạy phân

bổ khắp các trường. Theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, HS lớp 1 phải học thể dục 1 tiết/tuần, từ khối lớp 2 đến lớp 5 bắt buộc học giờ thể dục là 2 tiết/tuần. Như vậy, với lớp phải thực hiện dạy

2 tiết/tuần, tổng cộng có tiết thể dục/tuần chia đều cho giáo viên; tính bình quân một giáo viên phải dạy 34,3 tiết/tuần. Điều này chưa phù hợp với qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về số tiết nghĩa vụ cho một giáo viên bậc Tiểu học là 23 tiết/tuần. Kết quả trên cho thấy, các trường đều thiếu giáo viên giảng dạy môn Thể dục và chưa tính đến công tác kiêm nhiệm như

phong trào và các hội thi hội thao giáo viên các cấp.

Trong tổng số 27 giáo viên, tỉ lệ tốt nghiệp đại học còn thấp chỉ có 6/27 giáo viên chiếm tỉ lệ 22,2%, phần đông giáo viên tốt nghiệp tại Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao TPHCM hệ Cao đẳng là 21/27 giáo viên chiếm tỉ lệ 77,8%.

### 2.3. Thực trạng chương trình

**Bảng 5. Thống kê thực trạng chương trình thể dục thể thao nội khóa cho học sinh các trường tiểu học tại quận Bình Tân, TPHCM**

TT	Năm học	Thời gian (tiết/lớp)										Tổng thời gian
		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		
		Số giờ	%	Số giờ	%	Số giờ	%	Số giờ	%	Số giờ	%	
1	Lý thuyết	2	5,7	2	2,9	2	2,9	2	2,9	2	2,9	10
2	Đội hình đội ngũ	7	20,0	14	20,0	16	22,9	14	20,0	14	20,0	65
3	Bài thể dục phát triển chung	8	22,9	20	28,6	18	25,7	18	25,7	18	25,7	82
4	Trò chơi vận động	6	17,1	22	31,4	22	31,4	16	22,9	16	22,9	82
5	Môn tự chọn	0	0,0	0	0,0	0	0,0	8	11,4	8	11,4	16
6	Ôn tập kiểm tra	8	22,9	8	11,4	8	11,4	8	11,4	8	11,4	40
7	Kiểm tra rèn luyện thân thể	4	11,4	4	5,7	4	5,7	4	5,7	4	5,7	20
<b>Tổng</b>		<b>35</b>		<b>70</b>		<b>70</b>		<b>70</b>		<b>70</b>		<b>315</b>

Kết quả thống kê cho thấy, nội dung chương trình gồm 7 nội dung cơ bản, với tổng số là 70 giờ trên một năm học cho từng khối học trừ khối lớp 1 chương trình thể dục là 35 tiết/năm. Học kỳ I là 36 tiết và học kỳ II là 34 tiết, mỗi tuần 2 tiết, phân bổ chương trình ở bảng 5 cho thấy, số giờ lên lớp lý thuyết rất ít, có 2 giờ chiếm tỉ lệ 2,9% (từ lớp 2 - lớp 5). Đây là điểm hạn chế của chương trình, nó

sẽ gây khó khăn cho sự nhận thức cơ bản về kiến thức thể dục thể thao của HS.

Để tìm hiểu cụ thể chất lượng các giờ học Thể dục của HS trong nhà trường, chúng tôi tiến hành phỏng vấn cả 5 khối lớp của 15 trường tiểu học quận Bình Tân, TPHCM, có tổng số 21.295 HS, các câu hỏi được đưa ra HS trả lời chính xác, nghiêm túc. Kết quả trình bày ở bảng 6.

**Bảng 6. Kết quả thống kê sự yêu thích môn Thể dục của HS trong các trường tiểu học tại quận Bình Tân, TPHCM**

TT	Môn	Tổng số HS	Rất thích		Thích		Không thích	
			Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
1	TH AN LẠC 1	1.354	481	35,5	634	46,8	239	17,7
2	TH AN LẠC 2	1.365	598	43,8	583	42,7	184	13,5
3	TH AN LẠC 3	1.058	486	45,9	433	40,9	139	13,1
4	BÌNH TRỊ 1	1.914	1.278	66,8	559	29,2	77	4,0
5	BÌNH TRỊ 2	1.639	845	51,6	576	35,1	218	13,3
6	BÌNH TRỊ ĐÔNG A	1.334	571	42,8	544	40,8	219	16,4
7	BÌNH TRỊ ĐÔNG	2.187	873	39,9	915	41,8	399	18,2
8	BÌNH HƯNG HÒA 1	1.873	1.267	67,7	359	19,2	247	13,2
9	BÌNH HƯNG HÒA 2	802	455	56,7	234	29,2	113	14,1
10	BÌNH THUẬN	1.996	1.267	63,5	590	29,6	139	7,0
11	BÌNH LONG	1.218	589	48,4	450	36,9	179	14,7
12	TÂN TẠO	1.198	619	51,7	467	39,0	112	9,3
13	TÂN TẠO A	1.373	736	53,6	433	31,5	204	14,9
14	LÊ CÔNG PHÉP	847	504	59,5	210	24,8	133	15,7
15	BÌNH TÂN	1.137	678	59,6	326	28,7	133	11,7
<b>Tổng</b>		<b>21.295</b>	<b>11.247</b>	<b>52,8</b>	<b>7.313</b>	<b>34,3</b>	<b>2.735</b>	<b>12,8</b>

Kết quả khảo sát cho thấy có 18.560 HS thích môn Thể dục chiếm tỷ lệ 87,2%; trong đó có 11.247 HS rất thích chiếm tỷ lệ 52,8%.

Để có thông tin cụ thể hơn về các môn thể thao mà HS ham thích tập luyện, chúng tôi tiến hành phỏng vấn ngẫu nhiên mỗi trường 30 HS cả 5 khối lớp của 15 trường tiểu học quận Bình Tân, TPHCM có tổng số 450 HS, kết quả trình bày ở bảng 7.

**Bảng 7. Thống kê môn thể thao HS yêu thích tại các trường tiểu học quận Bình Tân, TPHCM**

TT	Môn	Rất thích		Thích		Không thích	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
1	Bơi lội	249	55,3	130	28,8	71	15,7
2	Bóng bàn	82	18,2	200	44,4	168	37,3
3	Bóng chuyền	118	26,2	224	49,6	108	24
4	Bóng đá	212	47,1	163	36,2	75	16,6
5	Bóng ném	116	25,7	222	49,3	112	24,8
6	Bóng rổ	182	40,4	160	35,5	108	24
7	Cầu lông	110	24,4	226	50,2	114	25,3
8	Karatedo	180	40	137	30,4	133	29,5
9	Cờ tướng	78	17,3	115	25,5	257	57,1
10	Cờ vua	79	17,55	117	26	254	56,4
11	Đá cầu	173	38,4	168	37,3	109	24,2
12	Vovinam	178	39,5	141	31,3	131	29,1
13	Thể dục nhịp điệu	80	17,7	76	16,8	156	34,5
14	Taekwondo	184	40,8	161	35,7	105	23,3
15	Điền kinh	75	16,7	63	14,0	312	69,3
<b>Tổng</b>		<b>2.096</b>	<b>31,7</b>	<b>2.303</b>	<b>34,8</b>	<b>2.213</b>	<b>33,5</b>

Qua kết quả bảng 7 cho ta thấy, đa số HS đều tham gia tập luyện thể dục thể thao, bởi vì thể dục thể thao, nó phù hợp với nhu cầu vận động ở lứa tuổi này. Kết quả phỏng vấn sự yêu thích tập luyện các môn thể thao của HS cho biết:

- Có 66,5% HS thích và rất thích tập luyện thường xuyên, chúng tỏ các em rất có ý thức rèn luyện thân thể, nhất là ở thời kỳ này HS đã quan tâm tới nhu cầu thẩm mỹ.

- Chỉ có các môn Cờ vua, Cờ tướng, Điền kinh và Thể dục nhịp điệu là có trên 50% HS không thích tập luyện. Còn các môn có tỉ lệ cao nhất như: Bơi lội, Bóng đá, Bóng rổ thì có trên 24% HS thích và rất thích tập luyện.

- Trong số các môn thể thao mà HS ưa thích lại có một số môn không có trong chương trình học của nhà trường tiểu học. Các môn Bóng đá, Cầu lông, Bóng chuyền, Bóng bàn HS rất thích học chiếm tỷ lệ 62,7% đến 83,4% trong tổng số 450 HS được khảo sát ngẫu nhiên. Như vậy, từ kết quả trên chúng tôi đi đến nhận định rằng: Chương trình GDTC của các trường tiểu học còn quá ít về thể loại, đơn điệu về hình thức, các môn

học thể dục chỉ tập trung vào bài thể dục phát triển chung và trò chơi vận động là chủ yếu. Từ đó cho thấy chương trình môn GDTC đang được áp dụng tại các trường đã bộc lộ rất nhiều điểm bất hợp lý.

#### 2.4. Thực trạng thể lực HS qua đánh giá tiêu chuẩn rèn luyện thân thể

Tiêu chuẩn rèn luyện thân thể là một trong những nội dung bắt buộc trong chương trình thể dục, được kiểm tra 2 lần/năm có đánh giá xếp loại. Rèn luyện thân thể được xếp trong phần mềm của chương trình với môn tự chọn do nhà trường chủ động sắp xếp. Kết quả đánh giá được trình bày qua bảng 8.

**Bảng 8. Thống kê kết quả đánh giá tiêu chuẩn rèn luyện thân thể HS các trường tiểu học quận Bình Tân, TPHCM**

Tên trường	Tổng số HS toàn trường	Tổng số HS dự kiểm tra	Tổng số HS đạt	Tỷ lệ %
TH AN LẠC 1	1.187	1.187	1.164	98,1
TH AN LẠC 1	1.269	1.269	1.265	99,7
TH AN LẠC 3	1.077	1.077	1.077	100,0
BÌNH TRỊ 1	1.363	1.363	1.363	100,0
BÌNH TRỊ 2	1.406	1.406	1.392	99,0
BÌNH TRỊ ĐÔNG 1	1.280	1.280	1.270	99,2
BÌNH TRỊ ĐÔNG	909	909	905	99,6
BÌNH HƯNG HÒA 1	1.384	1.384	1.343	97,0
BÌNH HƯNG HÒA 2	706	706	698	98,9
BÌNH THUẬN	1.907	1.907	1.907	100,0
BÌNH LONG	872	872	872	100,0
TÂN TẠO	935	935	926	99,0
TÂN TẠO A	721	751	716	99,3
LÊ CÔNG PHÉP	520	520	520	100,0
BÌNH TÂN	801	801	785	98,0
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.337</b>	<b>16.337</b>	<b>16.203</b>	<b>99,2</b>

Bảng 8 cho thấy: có 4 trường đạt 100% tiêu chuẩn rèn luyện thân thể và 11 trường còn lại đạt từ 97% trở lên về tiêu chuẩn rèn luyện thân thể.

Việc có 4/15 trường đạt 100% tiêu chuẩn rèn luyện thân thể đã nói lên được khả năng đáp ứng lượng vận động và sức khỏe của HS các trường tiểu học ở quận Bình Tân là tương đối tốt, mặt bằng sức khỏe HS được nâng lên.

### 3. Kết luận

Thực trạng sân bãi tập luyện thể thao ở các trường tiểu học tại quận Bình Tân còn thiếu và diện tích hạn hẹp, không đáp ứng được nhu cầu tập luyện và tổ chức hoạt động thể thao trong HS. Thực trạng toàn quận sân bóng đá mini có 6/15 trường chiếm tỉ lệ 40%, sân bóng chuyền có 14/15 trường chiếm tỉ lệ 93,3 %, sân cầu lông 21/15 trường chiếm tỉ lệ 140%, hồ nhảy xa 7/15 trường tỉ lệ 46,6%, đường chạy 40m có 8/15 trường chiếm tỉ lệ 53,3%, hồ bơi có 0/15 trường chiếm tỉ lệ 0%.

Thực trạng tổng diện tích đất chuyên dùng

cho các hoạt động: sân chơi cho HS, hoạt động thể dục thể thao và nhiều các hoạt động khác của 15 trường tiểu học ở quận Bình Tân là 40.086m<sup>2</sup>; 2,13m<sup>2</sup>/HS.

Tổng số HS là 21.295, được chia thành 339 lớp với 27 giáo viên thể dục. Trong tổng số 27 giáo viên có trình độ Đại học 6/27 giáo viên chiếm tỉ lệ 22,2%, trình độ cử nhân, cao đẳng là 21/27 giáo viên chiếm tỉ lệ 77,8%.

Nội dung chương trình gồm 7 nội dung cơ bản, với tổng số là 70 giờ trên một năm học cho từng khối học trừ khối lớp 1 chương trình thể dục là 35 tiết/năm. Học kỳ I là 36 tiết và học kỳ II là 34 tiết, mỗi tuần 2 tiết.

Thực trạng có 18.560 HS thích môn thể dục chiếm tỷ lệ 87.2%; trong đó có 11.247 HS rất thích chiếm tỷ lệ 52.8%. Có 66,5% HS thích và rất thích tập luyện thường xuyên thể dục thể thao. Các môn bóng đá, đá cầu, cầu lông, bóng chuyền, bóng bàn được HS rất thích học chiếm tỷ lệ 62,7% đến 83,4%/.

### Tài liệu tham khảo

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Tuyển tập nghiên cứu khoa học GDTC, sức khỏe trong trường học các cấp*, NXB Thể dục thể thao, Hà Nội.

[2]. Nguyễn Ngọc Cừ, Dương Nghiệp Chí (2001), *Nâng cao tầm vóc của cơ thể người*, Tài liệu chuyên đề số 1 + 2, Viện Khoa học Thể dục thể thao, Hà Nội.

[3]. Lê Văn Lãm, Phạm Trọng Thanh (2000), *Tổng quan về GDTC ở một số nước trên thế giới*, NXB Thể dục thể thao, Hà Nội.

[4]. Viện Khoa học Thể dục thể thao (2003), *Thực trạng thể chất người Việt Nam từ 6 đến 20 tuổi (thời điểm năm 2001)*, NXB Thể dục thể thao, Hà Nội.

[5]. Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT về việc đánh giá, xếp loại thể lực HS, sinh viên do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## THE PRACTICE OF PHYSICAL EDUCATION AT PRIMARY SCHOOLS IN BINH TAN DISTRICT, HO CHI MINH CITY

### Summary

The survey results have shown that facilities and teaching staff are deficient; physical education curriculums are inadequate, while the students there find themselves enjoying sports, and more than 97% of them got good results in the fitness standard assessment. Thereby, relevant solutions are proposed to improve the quality of physical education at primary schools in Binh Tan district, Ho Chi Minh city.

Keywords: physical education, solution, primary school.

Ngày nhận bài: 20/7/2016; Ngày nhận lại: 10/8/2016; Ngày duyệt đăng: 30/8/2016.